

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-ST
Ngày: 07-12-2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Hòa
- Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1192/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H1); địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Tân H – Giám đốc H1 - Chi nhánh Q (theo quyết định ủy quyền số 1489/2023/QĐ-TGD ngày 23/5/2023 của Tổng Giám đốc H1).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Huy B – Phó Giám đốc phụ trách H1 (theo giấy ủy quyền số 11/2023/UQ-CNQN ngày 14/7/2023 của Giám đốc H1 – Chi nhánh Q). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1997 và ông Võ Duy K, sinh năm 1996; cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Kim L, ông Nguyễn T2; cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 14/7/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H trình bày:

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh Q cho ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 vay 500.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 12466/22MB/HĐTD ngày 26/04/2022. Ngân hàng đã giải ngân cho ông K, bà T1 nhận đủ số tiền vay nêu trên theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 12466/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 27/4/2022. Lãi suất cho vay cố định hoặc điều chỉnh và lãi phạt được quy định cụ thể trong khế ước nhận nợ số 12466/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 27/4/2022. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động - Thanh toán tiền mua thủy hải sản; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H giải ngân vốn vay lần đầu.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên thì ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 36, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8213/20MB/HĐBĐ ngày 24/6/2020 và cam kết thế chấp phần tài sản chưa hợp lệ ngày 24/6/2020. Tài sản thế chấp nêu trên được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 992090, số vào sổ cấp GCN: CS 07485 ngày 27/4/2020 cho ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký kết. Kể từ tháng 01/2023 đến nay, ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 không thanh toán các khoản nợ gốc và nợ lãi đến hạn mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, mời làm việc yêu cầu trả nợ nhưng ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Tạm tính đến ngày 06/7/2023, ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 còn nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tổng số tiền là: 538.932.685đồng. Trong đó: Nợ gốc là 500.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 18.836.246đồng, nợ lãi quá hạn là 20.096.439đồng.

Do đó, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Võ Duy K và bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/7/2023 là: 538.932.685đồng. Trong đó: Nợ gốc là 500.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 18.836.246đồng, nợ lãi quá hạn là 20.096.439đồng.

Buộc ông Võ Duy K và bà Nguyễn Thị T1 phải thanh toán phần nợ lãi và phí phát sinh đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên kể từ ngày 07/7/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp ông Võ Duy K và bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 36, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8213/20MB/HĐBĐ ngày 24/6/2020 và cam kết thế chấp phần tài sản chưa hợp lệ ngày 24/6/2020 để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Võ Duy K và bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà và ông Nguyễn T2 là cha mẹ đẻ của bà Nguyễn Thị T1, vợ chồng bà chỉ ở tạm tại căn nhà gắn liền với thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 36, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi để trông coi nhà cho ông Võ Duy K và bà Nguyễn Thị T1. Trường hợp vợ chồng ông K, bà T1 không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý đối với nhà và đất nêu trên thì bà đồng ý dọn đi và không có ý kiến gì.

Sau khi thụ lý vụ án và bổ sung người tham gia tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T2 nhưng ông K, bà T1 và ông T2 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Buộc ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2023) là 582.604.817đồng, trong đó:

Nợ gốc: 500.000.000đồng;

Nợ lãi trong hạn: 18.836.246đồng;

Nợ lãi quá hạn: 63.768.571đồng.

Buộc ông K, bà T1 phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong các khoản nợ.

Trường hợp ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 36, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8213/20MB/HĐBĐ ngày 24/6/2020 và cam kết thế chấp phân tài sản chưa hợp lệ ngày 24/6/2020 để thu hồi nợ.

Ông K, bà T1 phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Khi xác lập các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H - Chi nhánh Q – Phòng giao dịch Đ thì ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 có nơi cư trú tại tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, tại thời điểm Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khởi kiện thì ông K, bà T1 không có mặt tại địa phương. Việc ông K, bà T1 thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bên có quyền biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a

khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Bị đơn ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn T2, bà Nguyễn Thị Kim L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 12466/22MB/HĐTD ngày 26/04/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 12466/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 27/4/2022 do Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H cung cấp có căn cứ xác định: Ngày 26/4/2022 ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 có ký hợp đồng tín dụng số 12466/22MB/HĐTD để vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền 500.000.000đồng và Ngân hàng - Chi nhánh Q – Phòng G đã giải ngân cho ông K, bà T1 nhận đủ số tiền vay nêu trên vào ngày 27/4/2022.

[2.2] Trong quá trình trả nợ vay, ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết tại hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H - Chi nhánh Q – Phòng G. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, mời làm việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông K, bà T1 vẫn không thực hiện.

[2.3] Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2023), ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 còn nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tổng số tiền là 582.604.817đồng, trong đó:

Nợ gốc: 500.000.000đồng;

Nợ lãi trong hạn: 18.836.246đồng;

Nợ lãi quá hạn: 63.768.571đồng.

[2.4] Do đó, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khởi kiện yêu cầu ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với những nội dung các bên đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp và phù hợp với quy định tại các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Xét yêu cầu về xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng: Để bảo đảm cho khoản vay nêu trên, ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 36, tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Thửa đất nêu trên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

CU 992090, sổ vào sổ cấp GCN: CS 07485 ngày 27/4/2020 cho ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1. Việc thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên đã được Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H - Chi nhánh Q – Phòng G và ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8213/20MB/HĐBĐ ngày 24/6/2020, hợp đồng thế chấp đã được công chứng hợp pháp và quyền sử dụng đất thế chấp cũng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên đã phát sinh hiệu lực tại thời điểm đăng ký.

[2.6] Ngoài ra, tại giấy cam kết thế chấp phân tài sản chưa hợp lệ ngày 24/6/2020, ông K, bà T1 cam kết thế chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 36, tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của ông K, bà T1 với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8213/20MB/HĐBĐ ngày 24/6/2020. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/8/2023, bà Nguyễn Thị Kim L (mẹ của bà Nguyễn Thị T1) xác định vợ chồng bà chỉ ở tạm tại căn nhà gắn liền với thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 36, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi để trông coi nhà cho ông Võ Duy K và bà Nguyễn Thị T1, trường hợp vợ chồng ông K, bà T1 không trả được nợ, Ngân hàng yêu cầu xử lý đối với nhà và đất nêu trên thì bà đồng ý dọn đi và không có ý kiến gì. Do đó, có căn cứ xác định tài sản gắn liền với thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 36, tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi là tài sản thuộc sở hữu của ông K, bà T1 và ông K, bà T1 đã cam kết thế chấp cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H nên vẫn thuộc tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của ông K, bà T1 với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

[2.7] Tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8213/20MB/HĐBĐ ngày 24/6/2020 quy định: Xử lý tài sản thế chấp là quyền của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khi xuất hiện một/một số trong các trường hợp dưới đây: *“b. Bên thế chấp vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại hợp đồng này, hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm, cam kết/thỏa thuận khác”*. Do đó, trường hợp ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 36, diện tích 49,4m² (đo đạc thực tế là 49,5m²), tại phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8213/20MB/HĐBĐ ngày 24/6/2020 và cam kết thế chấp phân tài sản chưa hợp lệ ngày 24/6/2020 để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí tố tụng:

Ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 5.000.000đồng chi phí tố tụng (gồm: 2.000.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 3.000.000đồng chi phí đo đạc). Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển

Thành phố H đã nộp 5.000.000đồng tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong nên ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H 5.000.000đồng.

[4] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 20.000.000đồng + (182.604.817đồng x 4%) = 27.304.000đồng.

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.778.000đồng.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 157, 158, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 317, 318, 319, 320, 323, 325, 299 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

2. Buộc ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2023) là 582.604.817đồng (năm trăm tám mươi hai triệu sáu trăm linh bốn nghìn tám trăm mười bảy đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 500.000.000đồng (năm trăm triệu đồng);
- Nợ lãi trong hạn: 18.836.246đồng (mười tám triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng);
- Nợ lãi quá hạn: 63.768.571đồng (sáu mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm bảy mươi một đồng).

3. Kể từ ngày 08/12/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 12466/22MB/HĐTD ngày 26/04/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 12466/22MB/HĐTD/KUNN01 ngày 27/4/2022.

4. Trường hợp ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1225, tờ bản đồ số 36, diện tích 49,4m² (đo đạc thực tế là 49,5m²), phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 8213/20MB/HĐBĐ ngày 24/6/2020 và cam kết thế chấp phần tài sản chưa hợp lệ ngày 24/6/2020 để thu hồi nợ.

5. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Nếu còn thừa thì trả lại cho bên thế chấp, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 5.000.000đồng (năm triệu đồng) chi phí tố tụng. Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã nộp 5.000.000đồng (năm triệu đồng) tạm ứng chi phí tố tụng và đã chi xong nên ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H 5.000.000đồng (năm triệu đồng).

7. Về án phí: Ông Võ Duy K, bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 27.304.000đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 12.778.000đồng (mười hai triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006375 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

9. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

